

CTCP TẬP ĐOÀN HÀ ĐÔ – HSX: HDG

Khởi động các dự án đã ngủ quên

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu: 31,400

Upside: +28%

Ngành điện | BSC Research

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu HDG với giá mục tiêu **31,400 VND/CP**, tương đương upside 28% (theo giá tham chiếu ngày 19/05/2025) dựa trên phương pháp định giá từng phần. Hiện tại cổ phiếu HDG đang giao dịch ở mức PE FW 2025 là 9.9x, chiết khấu 13% so với mức trung vị 5 năm (11.4x).

Trung tâm phân tích BSC

Nguyễn Dân Trường
(Chuyên viên phân tích)
truongnd@bsc.com.vn

TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2025

- Sản lượng nhóm thủy điện tăng trưởng 11% nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi.
- Mảng bất động sản dự kiến mở bán dự án Charm Villas 3 trong năm 2025 và dự án 62 Phan Đình giót được thí điểm theo nghị quyết 175/2024/QH tạo động lực tăng trưởng trong tương lai.

Thông tin doanh nghiệp

Giá hiện tại (VND):	24,600
Cổ phiếu LH (Triệu):	859.4
Vốn hoá (Tỷ VND):	8,274
Thanh khoản 30n (Triệu):	2.45
Sở hữu nước ngoài:	19.6%

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Doanh thu đạt 2,869 VND (+8% YoY):

- Mảng BĐS đạt 430 tỷ VND (+4% YoY), giá định bàn giao 20 căn thuộc dự án Charm Villas 3.
- Mảng năng lượng đạt 1,974 tỷ VND (+8 YoY) nhờ tình hình thủy văn thuận lợi cho nhóm thủy điện.

Biên lợi nhuận gộp đạt 62%, tăng 3 điểm % chủ yếu do biên gộp mảng BĐS tăng 11 điểm % nhờ giá vốn của dự án Charm Villas 3 thấp – đã phát triển dự án từ hơn 8 năm về trước.

Doanh thu tài chính đạt 72 tỷ VND (+21% YoY) do công ty tận dụng vốn nhàn rỗi, đầu tư vào trái phiếu an toàn và tiền gửi ngân hàng.

Tỷ lệ chi phí SGA/doanh thu đạt 10.2%, giảm -6.4 điểm %. Trong năm 2024, công ty đã trích lập 1 lần đối với 2 94 tỷ VND nợ xấu tại dự án Hồng Phong 4 (giai đoạn 2022-2024). Trong năm 2025, công ty vẫn sẽ trích lập khoảng 100 tỷ VND nợ xấu – tương đương 1 năm.

LNST- CĐTTS đạt 831 tỷ VND, tăng 136% YoY. Nếu loại trừ khoản trích lập, LNST- CĐTTS có thể đạt 926 tỷ VND, +22% YoY.

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q1/2025

Doanh thu và lợi nhuận thuần lần lượt đạt 598 tỷ VND (-29% YoY) và 155 tỷ VND (-30% YoY), tương đương hoàn thành 20% và 19% dự phóng doanh thu và lợi nhuận của BSC trong cả năm 2025.

RỦI RO: 1) tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, thủy văn bất lợi đột ngột, 2) tình hình đấu giá điện kéo dài hơn dự kiến.

KQKD	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	3,581	2,882	2,718	2,869
Lợi nhuận gộp	2,212	1,716	1,591	1,767
NPATMI	1,107	719	352	843
EPS	3,292	2,138	1,047	2,508

Mở tài khoản



I. CẬP NHẬT KQKD Q1.2025

(Tỷ VND)	1Q2024	1Q2025	% YoY	% QoQ	Thực tế/ dự phóng
Doanh thu	848	598	-29%	-20%	20%
BDS thương mại	315	-	-100%	-100%	0%
Năng lượng	414	478	15%	-24%	24%
Cho thuê BDS	80	79	-1%	8%	24%
Khách sạn	35	37	6%	6%	28%
Lợi nhuận gộp	438	400	-9%	-28%	22%
Chi phí bán hàng	1	1			11%
Chi phí QLDN	33	55	67%	-83%	19%
EBIT	404	344	-15%	47%	23%
Doanh thu TC	13	14	8%	-36%	20%
Chi phí tài chính	96	108	13%	61%	30%
-Lãi vay	84	75	-11%	-11%	24%
Lãi/lỗ khác	-	(22)		N/A	
LNTT	319	229	-28%	N/A	20%
LNST	264	207	-22%	N/A	20%
LNST-CĐTTS	221	155	-30%	N/A	19%
LNST-CĐTTS điều chỉnh*	221	193	-12%	-51%	
%SG&A/Doanh thu	4.0%	9.4%	Thay đổi 5.4%	Thay đổi -33.0%	
Biên LNG	52%	67%	15.2%	-6.6%	
BDS thương mại	38%	N/a	N/a	N/a	
Năng lượng	64%	69%	5.2%	-5.7%	
Cho thuê BDS	41%	38%	-3.3%	-7.2%	
Khách sạn	51%	57%	5.3%	2.5%	

Nguồn: BSC Research, HDG, *: loại bỏ dự phòng

Tóm tắt KQKD Q1/2025: mảng năng lượng tiếp tục là trụ cột

Doanh thu đạt 598 tỷ VND, -29% YoY, LNST-CĐTTS đạt 155 tỷ VND (-30% YoY):

- Doanh thu mảng năng lượng tăng +15% YoY, nhờ tình hình thủy văn thuận lợi dưới tác động của La Nina.
- Trong kỳ công ty không ghi nhận bàn giao dự bán BDS và doanh thu mảng cho thuê BDS, khách sạn không thay đổi đáng kể.

Biên lợi nhuận gộp đạt 67%, tăng 15 điểm % so với cùng kỳ chủ yếu do nhóm thủy điện có lưu lượng nước về nhiều hơn.

Tỷ lệ SGA/Doanh thu đạt 9.4%, tăng 5.4 điểm % so với cùng kỳ do công ty thực hiện trích lập 20 tỷ VND - dự phòng nợ xấu liên quan đến EVN ở dự án Hồng Phong 4. EVN vẫn đang mua điện từ dự án Hồng Phong 4 nhưng tạm chưa thanh toán cho đến khi có kết luận chính thức của các cơ quan quản lý.

KQKD Q1/2025, doanh thu và LNST-CĐTTS đã hoàn thành 20% và 19% dự phóng cả năm 2025. Lưu ý, doanh nghiệp có kế hoạch mở bán dự án Charm Villas 3 vào Q2/2025 do đó lợi nhuận sẽ dồn về cuối năm.

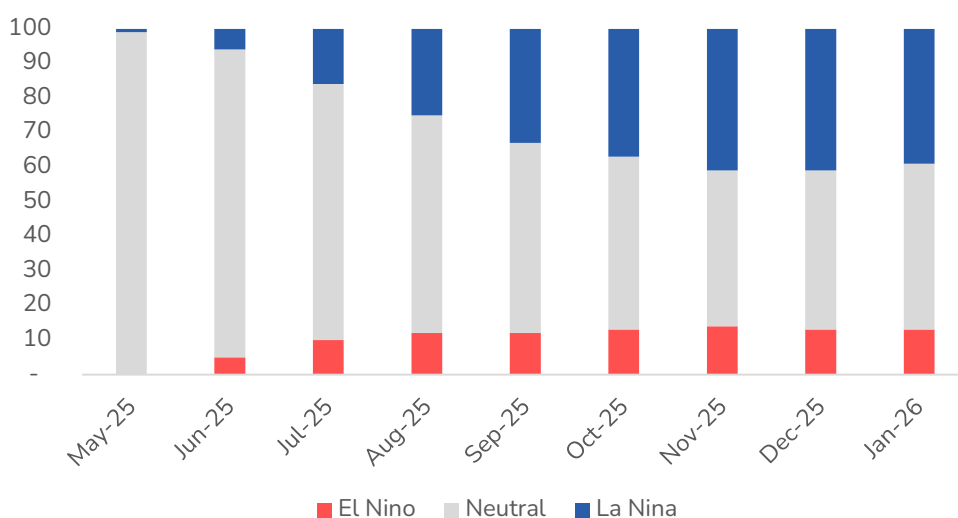
II. TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2025

1. Sản lượng nhóm thủy điện tăng trưởng 11% nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi.

Trong Q1/2025, sản lượng của thủy điện đạt 235 triệu kwh, tăng 38% YoY, nhờ ảnh hưởng của La nina. Theo dự báo của NOAA, hiện tượng ENSO sẽ chuyển sang pha trung tính trong phần lớn năm 2025 – tích cực hơn tình hình năm 2024 có đến một nửa thời gian là El nino (tháng 1 – 5/2024) và một nửa là La nina. Do đó, chúng tôi kỳ vọng sản lượng thủy điện trong 9 tháng còn lại của năm 2025 vẫn sẽ tăng trưởng dương và cả năm đạt 1,223 triệu kwh, tăng 11% YoY (sản lượng tập trung vào cuối năm).

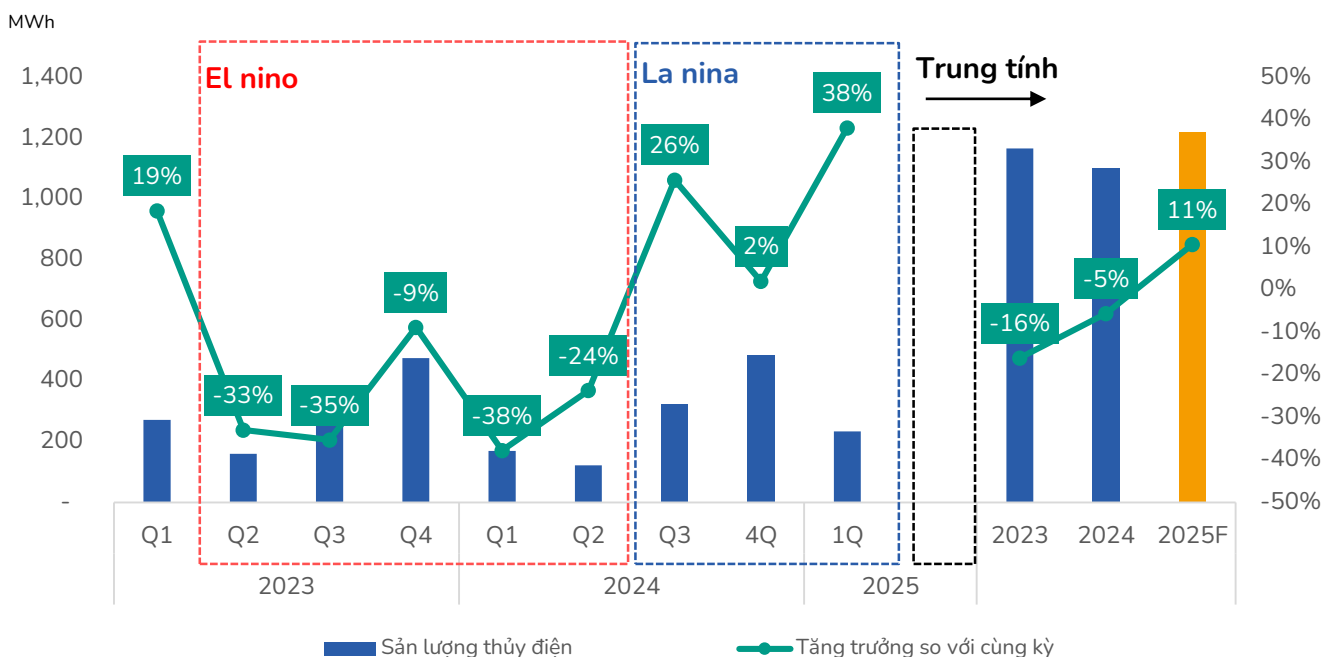
Giá bán điện của nhóm thủy điện trong năm 2025 sẽ không thay đổi đáng kể so với năm trước vì tỷ lệ sản lượng điện hợp đồng Qc vẫn sẽ duy trì ở mức 98%.

Hiện tượng thời tiết trung tính sẽ chiếm chủ đạo trong phần lớn năm 2025



Nguồn: NOAA

Sản lượng thủy điện của HDG trong 9 tháng còn lại vẫn sẽ tăng trưởng dương trong giai đoạn trung tính



Nguồn: HDG, BSC Research

2. Mảng bất động sản dự kiến mở bán dự án Charm Villas 3 trong năm 2025 và dự án 62 Phan Đình giót được thí điểm theo nghị quyết 175/2024/QH tạo động lực tăng trưởng trong tương lai.

a) Mở bán dự án Charm Villas 3 trong năm 2025.

Công ty dự kiến sẽ mở bán dự án Charm Villas 3 trong Q2/2025 sau 2 năm trì hoãn, chúng tôi cho rằng đây sẽ là động thái hỗ trợ tâm lý trên thị trường đối với cổ phiếu.

Dự án đang còn 108 sản phẩm biệt thự, nhà liền kề - đã hoàn thành xây dựng với pháp lý đầy đủ, giá bán tham khảo rơi vào khoảng 130 – 150 triệu VND/m². BSC ước tính nếu giá bán là 100 triệu VND/m², tổng lợi nhuận sau thuế của cả dự án có thể đạt 681 tỷ VND.

Hiện tại, chúng tôi đưa ra giả định thận trọng công ty sẽ mở bán 20 căn của dự án này trong năm 2025, ghi nhận doanh thu ở mảng BĐS là 430 tỷ VND (+4% YoY) và lợi nhuận gộp đạt 213 tỷ VND (+34% YoY nhờ giá dự bán đã được đầu tư từ hơn 10 năm trước).

Hiện tại danh mục dự án gối đầu của công ty còn tương đối ít, do đó, chúng tôi thận trọng đặt kịch bản kéo dài thời gian bán hàng ở dự án Charm Villas 3.

BSC dự phóng thời gian bán hàng và ghi nhận lợi nhuận của dự án Charm Villas GD 3

Dự án	2021	2022	2023	2024F	2025F	2026F	2027F	2028F
Charm Villas GD 1&2								
Charm Villas GD 3								

Nguồn: HDG, BSC Research

Thông tin của dự án Charm Villas giai đoạn 3

Tiêu chí	Ghi chú
Quy mô dự án	30 ha
Vị trí dự án	Đại lộ Thăng Long, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội Cách quận trung tâm thủ đô: 15 phút Big C Thăng Long: 10 phút Sân bay quốc tế Nội Bài: 25 phút
Số lượng sản phẩm	108 căn
Diện tích trung bình	Nhà liền kề từ 90 – 230 m ² Biệt thự từ 163 – 430 m ²
Giá bán sơ cấp giả định của BSC	100 triệu VND/m ² (giá thị trường tham khảo 120-150 triệu VND/m ²)
Mở bán giả định	Q2.2025

Nguồn: HDG, BSC Research

b) Dự án 62 Phan Đình Giót được thí điểm theo nghị quyết 175/2024/QH tạo động lực tăng trưởng trong tương lai.

Ngày 14/05/2025, dự án 62 Phan Đình Giót - CTCP thiết bị giáo dục 1 (HDG sở hữu 99.95%) làm chủ đầu tư, đã được UBND thành phố Hà Nội thông báo chấp nhận thí điểm mở rộng loại đất làm nhà ở thương mại bên cạnh 147 dự án khác. [\(link\)](#)

Dự án này sẽ giúp HDG giải ngân các khoản tiền nhàn rỗi đã lên đến 1,100 tỷ VND tại thời điểm Q1/2025, bổ sung danh mục dự án dài hạn và kỳ vọng có tác động tích cực đối với tâm lý của nhà đầu tư sau hơn 5 năm trì trệ với pháp lý ở mảng BĐS.

Ở thị trường TP. HCM, HDG có 2 dự án Minh Long và Green Lane đã đăng ký thí điểm và chờ đợi thông tin chính thức. Thời gian công bố thông tin chính thức có thể kéo dài vì thành phố đang trong quá trình sắp xếp lại các đơn vị hành chính sau khi sát nhập tỉnh Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu, chúng tôi sẽ cập nhật cho quý nhà đầu tư khi có thông tin cụ thể.

Thông tin các dự án BĐS đang triển khai

Tiêu chí	Minh Long	Green Lane	62 Phan Đình Giót
Quy mô dự án	2.7 ha	2.3 ha	2.24 ha
Tổng mức đầu tư	4,500 tỷ VND	3,500 tỷ VND	4,500 tỷ VND
Vị trí dự án	2 mặt tiền Phạm Văn Đồng và đường số 1, P. Linh Trung, Thủ Đức, TP. Thủ Đức	Đường Phạm Thế Hiển, P.7, Quận 8, TP.HCM	62 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Số lượng sản phẩm	Căn hộ: 1,400 sản phẩm Thấp tầng: 30 sản phẩm	Căn hộ: 1,200 sản phẩm	N/A
Tiến độ	Đã được phê duyệt quy hoạch 1/2000, đang xin quy hoạch 1/500. Cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất.	Đã được phê duyệt quy hoạch 1/500. Cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất.	Đất trống. Đã được thực hiện thí điểm và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
Thời gian mở bán	N/A	N/A	N/A

Nguồn: HDG, BSC Research

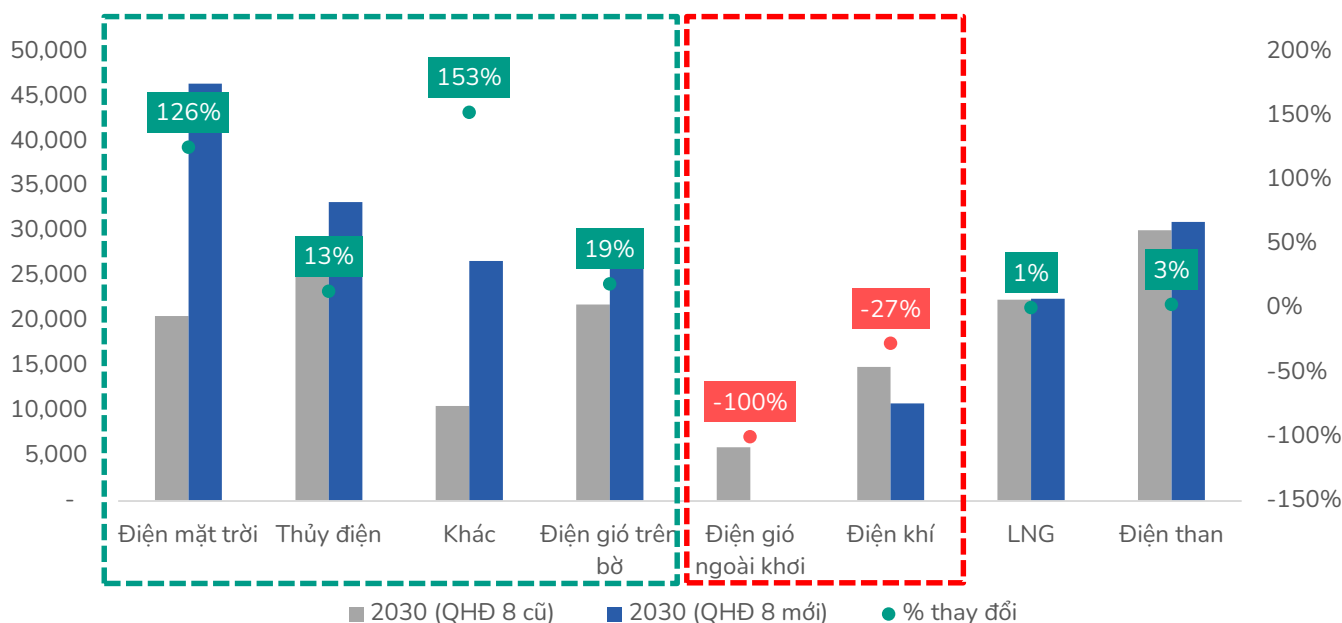
III. THÔNG TIN KHÁC

1. Quy hoạch điện 8 điều chỉnh đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo.

Các cơ quan quản lý đang cho thấy sự ưu ái đối với loại hình điện gió trên bờ và gần bờ trong đó 1) QHĐ 8 điều chỉnh tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 768/QĐ-TTg) tăng 19% công suất điện gió gần bờ và trên bờ so với quy hoạch cũ và 2) công bố khung giá trần cho điện gió năm 2025 cao hơn 4-5% so với giá chuyển tiếp.

Tăng công suất NLTT so với quy hoạch cũ để bù đắp cho điện khí chậm tiến độ

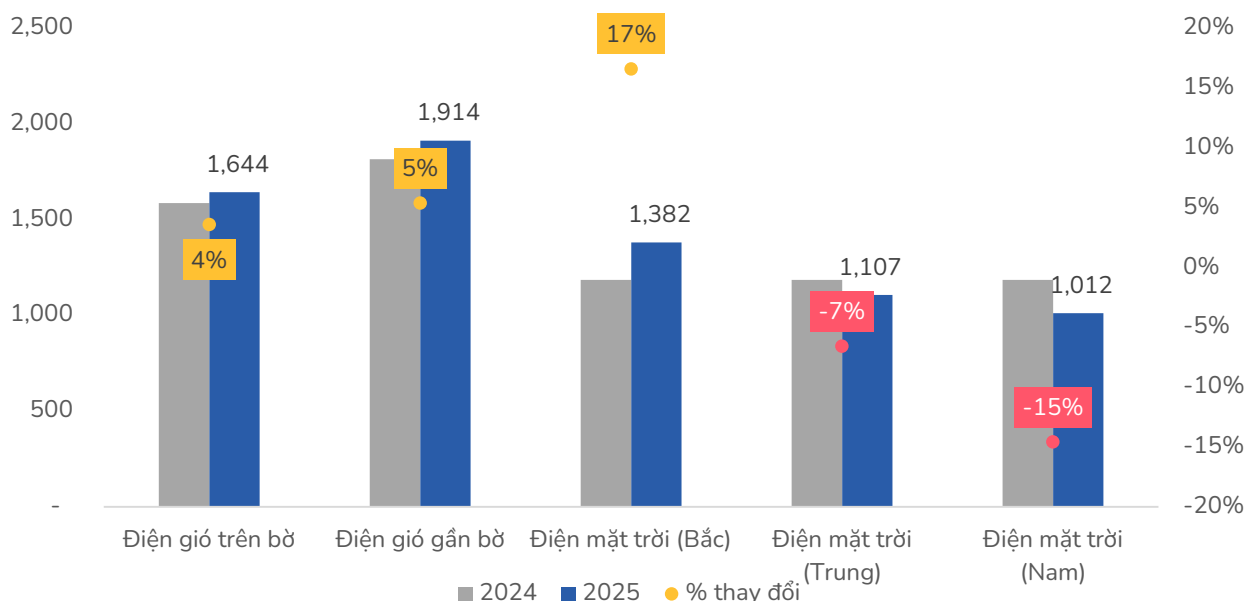
Mwh



Nguồn: QHĐ 8, BSC Research

Điện gió có mức giá trần cao hơn 4-5% giá chuyển tiếp cũ

VND/kwh



Nguồn: QHĐ 8, BSC Research

HDG đang có danh mục 828 MW điện gió trên bờ đang chờ đợi triển khai và có thể hưởng lợi từ xu thế này, gia tăng giá trị của công ty. Tuy nhiên, chúng tôi cần phải chờ đợi thông tin đấu thầu ở dự án 7A và Phước Hữu làm cơ sở để định giá các dự án khác của công ty.

Các dự án NLTT HDG có kế hoạch triển khai

Dự án	Loại hình	Công suất (MW)
7A GĐ 2	Điện gió	21
Phước Hữu	Điện gió	50
Bình Gia	Điện gió	80
Hado Quảng Trị	Điện gió	30
Ea H'eo 1&2	Điện gió	57
Sóc Trăng 13	Điện gió	40
V3	Điện gió	250
An Phong	Điện gió	300
Tổng		828

Nguồn: HDG, BSC Research

2. Công ty tích cực trích lập dự phòng tại dự án Hồng Phong 4.

Trong năm 2024 và Q1/2025, công ty đã trích lập toàn bộ các nợ xấu (khoảng 340 tỷ VND) tại dự án Hồng Phong 4 với rủi ro bị điều chỉnh giá bán điện từ 9.35 cent USD/kwh về mức giá chuyển tiếp là 1,012 VND/kwh (-57%). Công ty sẽ tiếp tục trích lập trong các quý còn lại đến khi có quyết định chính thức từ phía cơ quan quản lý. Do đó, hầu như các rủi ro xấu nhất của HDG đã được thông tin đến các nhà đầu tư.

Chúng tôi cũng đã loại bỏ dự án này ra khỏi định giá HDG.

IV. DỰ PHÒNG KQKD 2025/2026

(Tỷ VND)	Q1/2025	2025F	% YoY	2026F	% YoY
Doanh thu	598	2,869	6%	3,145	10%
BDS	-	430	4%	618	44%
Năng lượng	478	1,974	8%	2,056	4%
Cho thuê BDS	79	334	1%	338	1%
Khách sạn	37	131	2%	133	2%
Lợi nhuận gộp	400	1,767	11%	1,912	8%
Chi phí bán hàng	1	9	115%	9	10%
Chi phí QLDN	55	283	-37%	308	9%
EBIT	344	1,475	29%	1,595	8%
Doanh thu TC	14	72	20%	98	36%
Chi phí tài chính	108	364	-2%	398	10%
-Lãi vay	75	314	-9%	348	11%
Lãi/lỗ khác	(22)	(29)		(31)	
LNTT	229	1,155	102%	1,263	9%
LNST	207	1,028	128%	1,105	7%
LNST-CĐTS	155	831	136%	900	8%
LNST-CĐTS điều chỉnh*	193	925	24%	994	7%
Thay đổi					
%SGA/Doanh thu	9.4%	10.2%	-6.4%	10.1%	-0.1%
Biên LNG	67%	62%	3.0%	61%	-0.8%
BDS	N/a	50%	11.2%	46%	-3.7%
Năng lượng	69%	68%	1.4%	69%	0.5%
Cho thuê BDS	38%	42%	0.3%	44%	2.0%
Khách sạn	57%	50%	0.0%	50%	0.0%

Nguồn: HDG, BSC Research, *: loại bỏ chi phí dự phòng

Dự báo năm 2025

Doanh thu đạt 2,869 VND (+8% YoY):

- Mảng BDS đạt 430 tỷ VND (+4% YoY), giả định bàn giao 20 căn thuộc dự án Charm Villas 3.
- Mảng năng lượng đạt 1,974 tỷ VND (+8 YoY) nhờ tình hình thủy văn thuận lợi cho nhóm thủy điện.

Biên lợi nhuận gộp đạt 62%, tăng 3 điểm % chủ yếu do biên gộp mảng BDS tăng 11 điểm % nhờ giá vốn của dự án Charm Villas 3 thấp – đã phát triển dự án từ hơn 8 năm về trước.

Doanh thu tài chính đạt 72 tỷ VND (+21% YoY) do công ty tận dụng vốn nhàn rỗi, đầu tư vào trái phiếu an toàn và tiền gửi ngân hàng.

Tỷ lệ chi phí SGA/doanh thu đạt 10.2%, giảm -6.4 điểm %. Trong năm 2024, công ty đã trích lập 1 lần đối với 294 tỷ VND nợ xấu tại dự án Hồng Phong 4 (giai đoạn 2022-2024). Trong năm 2025, công ty vẫn sẽ trích lập khoảng 100 tỷ VND nợ xấu (1 năm).

LNST- CĐTS đạt 831 tỷ VND, tăng 136% YoY. Nếu loại bỏ dự phòng, LNST-CĐTS đạt 925 tỷ VND, tăng 24% YoY.

V. ĐỊNH GIÁ

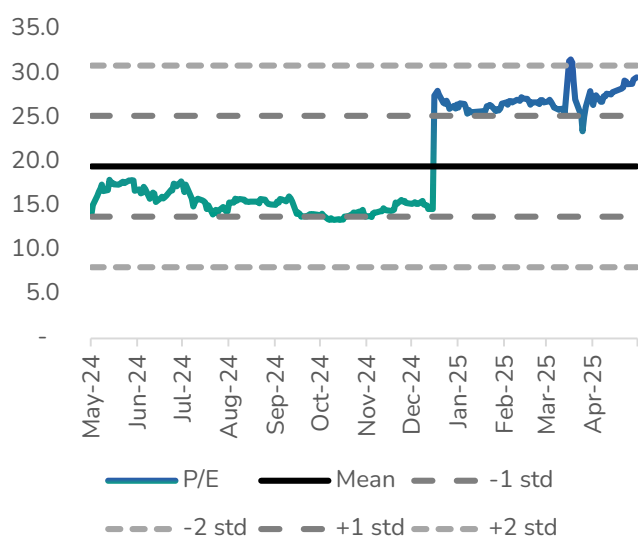
Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu HDG với giá mục tiêu **31,400 VND/CP**, tương đương upside 28% (theo giá tham chiếu ngày 19/05/2025) dựa trên phương pháp định giá từng phần. Hiện tại cổ phiếu HDG đang giao dịch ở mức PE FW 2025 là 9.9x, chiết khấu 13% so với mức trung vị 5 năm (11.4x).

Bảng tổng hợp định giá HDG

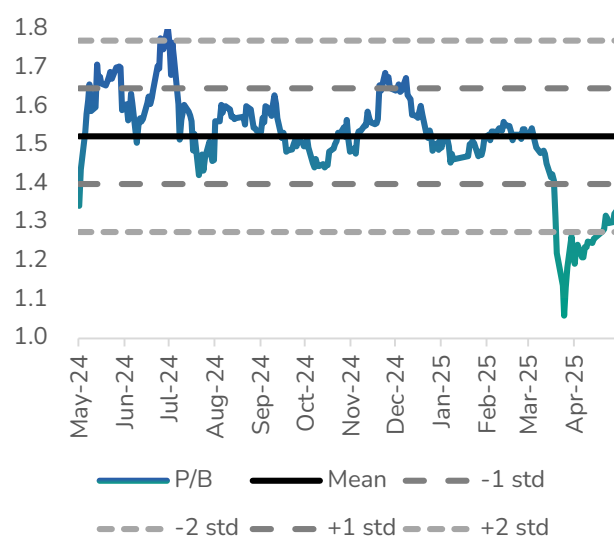
	Phương pháp	NAV	Tỷ lệ sở hữu	Đóng góp
Năng lượng	DCF	8,461		6,673
7A		1,305	100%	1,305
Infra 1		827	100%	826
Sông Tranh 4		779	63%	491
Zahung		823	52%	428
Nậm Pông		744	52%	387
Nhậm Hạc		1,381	52%	718
Đak Mi 2		2,531	98%	2,481
Sơn Linh, Sơn Nham	Book value	70	52%	36
BDS cho thuê	Cap Rate	1,553	100%	1,553
BDS thương mại	RNAV	2,326		2,326
Charm Villa GĐ 3	RNAV	1,242	100%	1,242
Minh Long	Book value	490	100%	490
Green Lane	Book value	292	100%	292
Khác	Book value	302	100%	302
(+) Tiền và tương đương tiền (cty mẹ)				908
(-) Nợ vay (cty mẹ)				904
Tổng giá trị VCSH				10,555
SLCP (triệu CP)				336.3
Giá mục tiêu				31,400
Giá hiện tại				24,600
Tỷ suất cổ tức				0.0%
Upside				27%

Nguồn: BSC Research

Stock PE



Stock PB



Nguồn: BSC Research, Bloomberg

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	2,882	2,718	2,869	3,145
Giá vốn hàng bán	1,166	1,127	1,102	1,233
Lợi nhuận gộp	1,716	1,591	1,767	1,912
Chi phí bán hàng	8	4	9	9
Chi phí QLDN	171	446	283	308
Lãi/lỗ HDKD	1,537	1,141	1,475	1,595
Doanh thu tài chính	40	60	72	98
Chi phí tài chính	572	370	364	398
Chi phí lãi vay	489	343	314	348
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	2	(258)	(29)	(31)
LN trước thuế	1,007	573	1,155	1,263
Thuế thu nhập DN	94	122	127	158
LN sau thuế	913	451	1,028	1,105
CĐTS	194	99	197	205
LNST-CĐTS	719	352	831	900
EBITDA	2,016	1,441	1,950	2,188
EPS	2,138	1,047	2,471	2,677

LCTT (tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
(lỗ)/LNST	913	451	1,041	1,124
Khấu hao và phân bổ	520	525	482	576
Thay đổi vốn lưu động	(633)	(404)	1,802	(1,590)
Điều chỉnh khác	1	482	-	-
LCTT từ HĐ KD	794	1,050	3,325	109
Tiền chi mua TSCĐ	(148)	(18)	(86)	(2,203)
Đầu tư khác	(178)	(98)	-	-
LCTT từ HĐ đầu tư	(326)	(116)	(86)	(2,203)
Tiền chi trả cổ tức	(134)	(286)	-	-
Tiền từ vay ròng	(726)	(547)	(473)	1,454
Tiền thu khác	1	-	-	-
LCTT từ HĐ tài chính	(859)	(833)	(473)	1,454
Dòng tiền đầu kỳ	694	246	337	3,103
Tiền trong kỳ	(392)	101	2,766	(639)
Dòng tiền cuối kỳ	302	337	3,103	2,464

CĐKT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	3,354	3,228	4,961	5,885
Tiền & Tương đương tiền	246	332	3,103	2,464
Đầu tư ngắn hạn	393	736	736	736
Phải thu ngắn hạn	1,595	1,267	736	1,651
Hàng tồn kho	1,074	857	351	1,000
TS ngắn hạn khác	47	35	35	35
Tài sản dài hạn	11,084	10,622	9,498	11,125
Tài sản hữu hình	9,034	8,548	8,153	9,780
Tài sản dở dang dài hạn	831	902	902	902
Đầu tư dài hạn	63	59	59	59
Tài sản dài hạn khác	399	384	384	384
Tổng Tài sản	14,438	13,850	14,458	17,010
Tổng nợ ngắn hạn	2,329	2,140	2,181	2,154
Nợ phải trả	76	40	81	54
Vay ngắn hạn	625	631	631	631
Nợ ngắn hạn khác	1,628	1,469	1,469	1,469
Tổng nợ dài hạn	4,881	4,333	3,860	5,315
Vay dài hạn	4,801	4,253	3,780	5,235
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	80	80	80	80
Tổng nợ phải trả	7,210	6,473	6,041	7,469
Vốn góp	3,058	3,363	3,363	3,363
Thặng dư vốn cổ phần	375	375	375	375
LN chưa phân phối	2,394	2,284	3,127	4,045
Vốn chủ khác	90	77	77	77
Cổ đông thiểu số	1,312	1,277	1,475	1,680
Tổng vốn chủ sở hữu	7,229	7,376	8,417	9,541
Tổng nguồn vốn	14,439	13,849	14,458	17,010
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	306	336	336	336

Chỉ số (%)	2023	2024	2025F	2026F
Khả năng thanh toán				
Hệ số TT ngắn hạn	1.44	1.51	2.27	2.73
Hệ số TT nhanh	0.96	1.09	2.10	2.25
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTS	0.4	0.4	0.3	0.3
Hệ số Nợ/Nguồn vốn	0.8	0.7	0.5	0.6
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	384	313	200	200
Số ngày phải thu	153	180	140	150
Số ngày phải trả	40	19	20	20
CCC	497	474	320	330
Tỉ suất lợi nhuận				
Biên Lợi nhuận gộp	60%	59%	62%	61%
Biên Lợi nhuận ròng	32%	17%	36%	36%
ROE	13%	6%	13%	12%
ROA	6%	3%	7%	7%
Định giá				
PE	12.2	23.9	9.9	0.0
PB	1.2	1.1	1.0	0.0
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	-20%	-6%	6%	10%
Tăng trưởng EBIT	-25%	-26%	29%	8%
Tăng trưởng LNNT	-37%	-43%	102%	9%
Tăng trưởng EPS	-35%	-51%	140%	0%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nằm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng mức sinh lời kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và giá đóng cửa ngày khuyến nghị của chứng khoán cộng với tỷ suất cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA MẠNH	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 30% trở lên
MUA	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ 15% đến 30%
NĂM GIỮ	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm từ -10% đến 15%
BÁN	Tổng mức sinh lời kỳ vọng trong 1 năm thấp hơn -10%

Thông tin liên hệ - Trung tâm phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Vĩ mô - Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

P. Giám đốc Trung tâm PTNC

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm Ngân hàng, Tài chính

Dương Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhdq@bsc.com.vn

Đoàn Minh Trí

Chuyên viên phân tích

Tridm@bsc.com.vn

Nhóm Dầu khí, Điện, Phân bón – Hoá chất

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Tuntc@bsc.com.vn

Lưu Thuỳ Linh

Chuyên viên phân tích

Linhlt2@bsc.com.vn

Nguyễn Dân Trường

Chuyên viên phân tích

Truongnd@bsc.com.vn

Nhóm Bất động sản, VLXD

Phạm Quang Minh

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Minhpm@bsc.com.vn

Lâm Việt

Chuyên viên phân tích cao cấp

Vietl@bsc.com.vn

Nguyễn Công Hoàng Duy

Chuyên viên phân tích

Duyhnc@bsc.com.vn

Nhóm Bán lẻ, Xuất khẩu, Logistics

Phạm Thị Minh Châu

Trưởng nhóm, Chuyên viên phân tích cao cấp

Chauptm@bsc.com.vn

Trần Lâm Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtl@bsc.com.vn

Trần Nguyễn Tường Huy

Chuyên viên phân tích

Huytnt@bsc.com.vn